

Số: 1020/SGDĐT-VP

Hải Dương, ngày 23 tháng 8 năm 2018

CHỈ TIÊU CƠ BẢN NĂM HỌC 2018-2019

Trên cơ sở kết quả năm học 2017 - 2018, Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) xây dựng những chỉ tiêu cơ bản cho năm học 2018-2019 như sau:

TT	Nội dung	Thực hiện 2017-2018	Kế hoạch 2018-2019
----	----------	------------------------	-----------------------

I. Giáo dục Mầm non			
1	Tỉ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đến trường		
	Nhà trẻ	46,6%	46,6%
	Mẫu giáo	98,8%	98,9%
	Mẫu giáo 5 tuổi	100,0%	100,0%
2	Xã đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi	100,0%	100,0%
3	Tỉ lệ trẻ được bán trú tại trường		
	Nhà trẻ	97,3%	98,0%
	Mẫu giáo	98,9%	99,0%
	Mẫu giáo 5 tuổi	100,0%	100,0%
4	Tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng trong tổng số trẻ được huy động đến trường:		
	Thể nhẹ cân ở trẻ nhà trẻ	1,3%	1,2%
	Thể nhẹ cân ở trẻ mẫu giáo	1,5%	1,4%
	Thể thấp còi giảm đối ở trẻ nhà trẻ	1,8%	1,7%
	Thể thấp còi đối ở trẻ mẫu giáo	1,5%	1,4%
5	Trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	53,5%	57,0%
6	Tỉ lệ phòng học kiên cố	90,7%	91,0%
7	Tỉ lệ nhóm, lớp được phân tách học đúng độ tuổi	-	-
	Nhóm trẻ	98,1%	98,2%
	Lớp mẫu giáo	98,1%	98,5%
	Riêng lớp mẫu giáo 5 tuổi	100,0%	100,0%

II. Giáo dục tiểu học			
1	Tỉ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1	99,99%	99,99%
2	HS tiểu học được học 2 buổi/ngày	100%	100%
3	HS hoàn thành chương trình tiểu học	99,9%	99,7%
4	HS lớp 3 đến lớp 5 được học ngoại ngữ, Trong đó học chương trình mới	100% -	100% 80%
5	Số trường tổ chức dạy học ngoại ngữ chương trình mới	87,32%	90%
6	HS ăn bán trú	34,6%	40%
7	HS từ lớp 3 lớp 5 được học tin học	84%	85%
8	HS hoàn thành môn Toán, Tiếng Việt	99,5%	99,7%
9	Học sinh đạt về phẩm chất và năng lực	99,9%	99,7%
10	HS khối lớp 4,5 được giáo dục bơi	100%	100%
11	HS khối lớp 3 đến lớp 5 biết bơi trong nhà trường	41,6%	42%
12	Số xã đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ III	100%	100%
13	Tỉ lệ phòng học kiên cố hóa	94,6%	95%
14	Tỉ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	92,6%	94%
15	Thư viện trường học Tiên tiến và Xuất sắc	74,6%	78%
16	Giáo viên ngoại ngữ đạt chuẩn về NLNN	79,4%	90%
III. Giáo dục THCS			
1	Huy động HS hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6	99,9%	99,9%
2	Xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGD THCS mức độ III	73,6%	78,0%
3	HS được học ngoại ngữ theo chương trình mới	45%	50%
4	Số trường tổ chức học ngoại ngữ theo chương trình mới	60,29%	74,36%
5	Tỉ lệ thanh thiếu niên từ 15 đến 18 tuổi có bằng tốt nghiệp THCS	97,0%	98,0%
6	HS đạt hạnh kiểm tốt	78,8%	79,0%
7	HS có học lực khá giỏi	67,96%	68,5%
8	HS tốt nghiệp lớp 9 THCS	99,55%	99,65%
9	Tỉ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	70,0%	79,0%

13	Trường có điểm trung bình thi tuyển sinh vào lớp 10 đạt trung bình trở lên	63,97%	64,5%
17	Giáo viên ngoại ngữ đạt chuẩn NLNN	90,6%	95,0%
18	Thư viện trường học		
	<i>Đạt chuẩn</i>	99,26%	99,5%
	<i>Tiến tiến</i>	29,1%	35,0%
	<i>Xuất sắc</i>	10,06%	11,5%
IV. Giáo dục THPT			
1	HS đạt hạnh kiểm tốt	82,39%	83,0%
2	Học sinh có học lực khá giỏi	83,56%	84,0%
3	Học sinh giỏi quốc gia lớp 12 THPT	Trong top 5, có giải Nhất 01 Huy chương bạc quốc tế	Trong top 5, có giải Nhất Có huy chương quốc tế hoặc khu vực
4	HS được học ngoại ngữ theo chương trình mới	25,0%	30,0%
5	Trường tổ chức dạy học ngoại ngữ theo chương trình mới	55,5%	68,5%
6	Học sinh tốt nghiệp lớp 12	98,9%	99,0%
7	Tỉ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	50,0%	55,6%
8	Đơn vị có điểm trung bình thi THPT quốc gia đạt trung bình trở lên	59,7% 40/67	60,5%
9	Tỉ lệ phòng học kiên cố hóa	97,96%	98,0%
10	Giáo viên ngoại ngữ đạt chuẩn về NLNN	62,7%	70%
11	Thư viện trường học	-	-
	<i>Chuẩn</i>	81,48%	85,2%
	<i>Tiến tiến</i>	68,5%	77,8%
	<i>Xuất sắc</i>	3,5%	4,0%
V. Giáo dục thường xuyên			
1	Tỉ lệ học sinh đi du học	4%	4%
2	Tổ chức đào tạo cấp chứng chỉ:		

	<i>Tin học</i>	6.800 người	6.850 người
	<i>Tiếng Anh</i>	5.575 người	5.650 người
VI. Kế hoạch – Tài chính			
1	Chi công việc thường xuyên của các cơ sở GD so với kinh phí chi thường xuyên	23,2%	22%
VII. Tổ chức – Cán bộ			
1	Các trường phổ thông bố trí sắp xếp giáo viên hợp lý về cơ cấu	-	75%
VIII. Thanh tra			
1	Giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo kịp thời không để tồn đọng, kéo dài, vượt cấp	100%	100%
2	Thực hiện phúc tra sau thanh tra theo quy định	100%	100%
IX. Công tác thi đua			
1	Phát động cán bộ, giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học, viết chuyên đề, sáng kiến.	60,5%	60%
2	Phát động phong trào thi đua đối với cá nhân đạt lao động tiên tiến.	80% Trong đó 15% CSTĐCS	80% Trong đó 15% CSTĐCS
3	Phát động phong trào thi đua đối với tập thể đạt danh hiệu LĐT	80% Trong đó 20% TTLĐXS	80% Trong đó 20% TTLĐXS
4	Mỗi cơ sở giáo dục xây dựng được ít nhất 1 điển hình tiên tiến	100%	100%
X. Chính trị tư tưởng			
1	Các cơ sở giáo dục xây dựng và tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 1537/CT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT	100%	100%
2	Các trường sử dụng phần mềm quản lý điểm, thư viện, CSVC, website	100%	100%
4	Triển khai internet cáp quang do Viettel tài trợ	75%	85%

5	Xây dựng hệ thống câu truyền hình tới các phòng GD&ĐT và các trường THPT trung tâm.	-	100%
7	Xây dựng Hệ thống đồng bộ hóa cơ sở dữ liệu toàn ngành về thông tin trường, lớp, cán bộ giáo viên	80%	100%
XI. Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục			
1	Hoàn thành tự đánh giá ở cơ sở giáo dục	99%	99,1%
2	Đánh giá ngoài	61,2	63,5
	<i>Mầm non</i>	63,7%	68%
	<i>Tiểu học</i>	63,4%	70,4%
	<i>THCS</i>	67,0%	76,9%
	<i>THPT</i>	20,4%	27,7%
	<i>GDTX</i>	8,3%	16,7%

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu trên là cơ sở đánh giá sự tiến bộ của các cơ sở giáo dục, các phòng GD&ĐT, các phòng thuộc Sở năm học 2018-2019; đồng thời là căn cứ xét thi đua – khen thưởng cuối năm học đối với các tập thể, cá nhân (nhất là đối với người đứng đầu các cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục và cán bộ quản lý giáo dục).

Trên đây là những chỉ tiêu phấn đấu của toàn ngành trong năm học 2018-2019, Sở GD&ĐT yêu cầu các đơn vị tập trung triển khai nghiêm túc, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học./

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Phó CT UBND tỉnh (vx) – để báo cáo
- Lãnh đạo Sở, TT công đoàn ngành;
- Các phòng, ban Sở;
- Các phòng GD&ĐT cấp huyện; các đơn vị trực thuộc Sở;
- Website Sở;
- Lưu VT, VP.

GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Lương